TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ KUIN** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **07**/2024/DS-ST
Ngày 02-02-2024
"V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Ngọc Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Vinh và bà Hoàng Thị Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa: Ông Trần Đình Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 134/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Ngân hàng N1; Địa chỉ: Số B L, phường T, Quận B, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền lại: Ông Phan Thanh H, chức vụ: Trưởng phòng KHKD Ngân hàng N1 – Chi nhánh huyện C. Địa chỉ: Thôn K, xã D, huyện C, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Bị đơn:** Bà H B K, sinh năm 1978; Địa chỉ: Buôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:

- Ông Y SiLy N, sinh năm 1977 – vắng có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Anh Y Si K1, sinh năm 1999 – vắng mặt.

- Chị H' H Knul, sinh năm 2003 – vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Buôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện nộp ngày 17/11/2023, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Thanh H trình bày:*

Ngày 03/5/2019, Ngân hàng N1 – Chi nhánh huyện C, tỉnh Đắk Lắk (gọi tắt là Ngân hàng) có ký kết với bà H B (bị đơn) theo Hợp đồng tín dụng số 5229LAV201901393 ngày 03/5/2019 vay với số tiền là 100.000.000 đồng; Lãi suất cho vay trong hạn là 11%/năm. Lãi suất quá hạn: 16.5%/năm. Thời hạn vay 12 tháng, mục đích cho vay mua sắm máy móc thiết bị chăm sóc cà phê, tiêu. Kỳ hạn trả nợ vào ngày 03/5/2022 trả 100.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, Ngân hàng có cầm giữ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 595578 do UBND huyện C cấp ngày 12/4/2019 mang tên hộ bà H B , địa chỉ thửa đất tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Quá trình vay, bị đơn đã trả cho nguyên đơn 7.528.767 đồng tiền lãi và chưa trả được tiền gốc. Đến thời hạn trả nợ, bà H B vẫn chưa thanh toán số nợ gốc và lãi cho Ngân hàng và đã vi phạm hợp đồng nêu trên. Tính đến ngày 22/12/2023, bà H B còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 130.413.699 đồng, trong đó tiền gốc là 100.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính tới ngày 22/12/2023 là 30.413.699 đồng. Ngân hàng đã liên tục nhắc nhở, đôn đốc bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng bị đơn vẫn không thanh toán khoản vay trên cho Ngân hàng, do đó Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ trên sang nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà H B phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 112.994.521 đồng, trong đó tiền gốc là 100.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính tới ngày 02/02/2024 là 12.994.521 đồng.

** Theo biên bản lấy lời khai ngày 11/12/2023, bị đơn bà H B Knul trình bày:*

Vào ngày 03/5/2019, tôi có ký với Ngân hàng N1– Chi nhánh huyện C, tỉnh Đắk Lắk Hợp đồng tín dụng số 5229LAV201901393 ngày 03/5/2019 vay với số tiền là 100.000.000 đồng; Lãi suất cho vay trong hạn là 11%/năm. Lãi suất quá hạn: 16.5%/năm. Thời hạn vay 12 tháng, mục đích cho vay mua sắm máy móc thiết bị chăm sóc cà phê, tiêu. Kỳ hạn trả nợ vào ngày 03/5/2022 trả 100.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, Ngân hàng có cầm giữ của tôi 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 595578 do UBND huyện C cấp ngày 12/4/2019 mang tên hộ bà H B, địa chỉ thửa đất tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Quá trình vay thì tôi đã trả cho Ngân hàng 7.528.767 đồng tiền lãi và chưa trả được tiền gốc nào. Do gia đình gặp khó khăn, gia đình thua lỗ nên cho đến nay gia đình không có khả năng trả nợ. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc

tôi phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc là 100.000.000 đồng, tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng số 5229LAV201901393 ngày 03/5/2019 thì tôi đồng ý trả nợ cho Ngân hàng. Hiện tại gia đình tôi đang khó khăn nên tôi xin giảm tiền lãi. Nếu tôi không trả được nợ cho Ngân hàng thì tôi đồng ý phát mãi tài sản đảm bảo để thu hồi nợ vay cho Ngân hàng.

Đối với khoản vay trên tôi vay để phục vụ sản xuất và đáp ứng nhu cầu trong cuộc sống gia đình, thời điểm vay thì các con tôi sống phụ thuộc vào bố mẹ, nên không liên quan gì đến các con.

** Theo biên bản lấy lời khai ngày 25/12/2023, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Y SiLy N trình bày:*

Tôi là chồng của bà H B. Tôi đã được nghe lời khai của vợ tôi là bà H B và đồng ý với ý kiến của vợ tôi, nhưng do kinh tế khó khăn nên vợ chồng tôi vẫn chưa có khả năng trả nợ cho Ngân hàng. Đối với khoản vay trên tôi vay để phục vụ sản xuất và đáp ứng nhu cầu trong cuộc sống gia đình, thời điểm vay thì các con tôi sống phụ thuộc vào bố mẹ.

** Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Y Sinh K1 và chị H' Huễ Knul:*

Tòa án đã tống đạt giấy triệu hợp lệ nhiều lần cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên đến Tòa án làm việc, tuy nhiên những người này không đến Tòa án làm việc và không tham gia tố tụng nên Tòa án không thể lấy lời khai của anh Y Sinh K1 và chị H' H Knul.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà H B phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng số 5229LAV201901393 ngày 03/5/2019 và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà H B phải trả số tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 5229LAV201901393 ngày 03/5/2019 nên đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Do bị đơn cư trú tại Buôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý và xét xử vắng mặt các đương sự là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về nợ gốc: Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 5229LAV201901393 ngày 03/5/2019, thì bị đơn bà H B vay của nguyên đơn số tiền gốc là 100.000.000 đồng, mục đích cho vay mua sắm máy móc thiết bị chăm sóc cà phê, tiêu, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 03/5/2022, Lãi suất cho vay trong hạn là 11%/năm. Lãi suất quá hạn: 16.5%/năm. Nội dung các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật tại các Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã trả cho nguyên đơn 7.528.767 đồng tiền lãi, chưa trả được tiền gốc và không thực hiện đúng thời hạn và nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Dư nợ tính đến ngày 02/02/2024 là 112.994.521 đồng, trong đó tiền gốc là 100.000.000 đồng, tiền lãi là 12.994.521 đồng. Việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn theo nội dung hợp đồng tín dụng đã xâm phạm đến quyền lợi của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nợ gốc.

[3] Về nợ lãi: Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"*. Căn cứ tại Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận, Hội đồng xét xử nhận thấy việc thỏa thuận lãi suất giữa các bên là phù hợp với quy định của pháp luật. Theo đó tính đến ngày 02/02/2024 bị đơn phải trả cho nguyên đơn 12.994.521 đồng tiền lãi là có cơ sở nên cần chấp nhận. Đồng thời, bị đơn còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 03/02/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ dư nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

[4] Về tài sản bảo đảm: Xét thấy, việc bà H B vay nợ của Ngân hàng không bảo đảm bằng tài sản thế chấp của mình mà chỉ giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 595578 do UBND huyện C cấp ngày 12/4/2019 mang tên hộ bà H Bill Knul là phù hợp với cơ chế đảm bảo tiền vay theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 cuả Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn. Do đó Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho bà H B khi bà H B thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán khoản vay cho ngân hàng.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với

quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với mức 112.994.521 đồng x 5% = 5.650.000 đồng (đã làm tròn) theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí và được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 227, 235, 244, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 357, 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 cuả Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N1.

- Buộc bà H B có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N1 số tiền 112.994.521 đồng *(Một trăm mười hai triệu, chín trăm chín mươi tư nghìn, năm trăm hai mươi mốt đồng)*. Trong đó, nợ gốc là 100.000.000 đồng và nợ lãi tạm tính đến ngày 02/02/2024 là 12.994.521 đồng.

Kể từ ngày 03/02/2024 cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 5229LAV201901393 ngày 03/5/2019.

- Buộc Ngân hàng N1 – Chi nhánh huyện C, tỉnh Đắk Lắk giao trả cho bà H Bill 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 595578 do UBND huyện C cấp ngày 12/4/2019 mang tên hộ bà H B, khi bà H B thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng.

- Về án phí: Bà H B phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 5.650.000 đồng (*Năm triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng)*. Ngân hàng N1 không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.201.575 đồng *(Ba triệu hai trăm lẻ một nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng)* theo biên lai số AA/2021/0017853 ngày 28/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại

phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Chi Cục THADS huyện Cư Kuin;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Thị Ngọc Điệp